

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HSST

Ngày: 26/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lâu A Vàng**

2. Ông: **Tòng Văn Tọt**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Minh Thu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 15/6/2020 đối với bị cáo: Họ và tên: **Tòng Văn L**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1995, tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Tòng Văn M, sinh năm: 1964; Họ và tên mẹ: Cà Thị T; Sinh năm: 1965; Bị cáo có vợ: Lò Thị T1, sinh năm 1998 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 1916; Tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án ngày 25/6/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản đến nay chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 21/02/2020 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Các bị hại:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn H, sinh năm 1983.

Tạm trú tại: Tổ X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt có lý do).

2. Họ và tên: Thân Thị T, sinh năm 1985.

Tạm trú tại: Tổ X, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Họ và tên: Hạ Văn B, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Khu Y, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Họ và tên: Vũ Thị T1, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Tống Văn B1, sinh năm 1951.

Nơi cư trú: Tổ Z, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Lê Văn N, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ O, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: Vũ Thị Minh N1, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Tổ Z, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người chứng kiến:

1. Họ và tên: Lò Văn T2, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Cà Văn H1, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của Tống Văn L được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 19/02/2020 tại tổ Z, thị trấn M, huyện M Tống Văn L đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe DZEAM, màu sơn nâu – đen trị giá 4.600.000đ (*Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) do anh Nguyễn Văn H và chị Thân Thị T là người quản lý, sử dụng để phục vụ nhu cầu cá nhân.

Quá trình điều tra đã làm rõ: 05 giờ 30 phút ngày 19/02/2020 Tống Văn L một mình đi bộ từ nhà lên trung tâm thị trấn M để chơi điện tử, khi đến trước cổng trường mầm non K, thuộc tổ Z, thị trấn M. L nhìn thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe DZEAM, màu sơn nâu – đen, BKS I do chị T vừa đi chợ về, chìa khóa đang cắm ở ổ xe, xe đang dựng trước cửa nhà kho của gia đình anh Nguyễn Văn H (Chị T và anh H là vợ chồng). Quan sát xung quanh không thấy có người, L đã nảy sinh ý định trộm cắp để làm phương tiện đi lại cho bản thân. L đã lén lút tiến về phía chiếc xe dùng tay phải mở khóa điện, nổ máy, điều khiển xe đi về hướng chợ B, huyện M khi L đang dựng xe ở quán bán thịt lợn thuộc bản K, xã B thì chị vũ Thị T1 đến rút chìa khóa nói với L chị là em gái của chủ xe. Khi chị T1 giữ lại xe thì L bỏ đi về hướng xã A. Đồng thời chị T1 cũng mang xe giao nộp cho Công an xã Búng Lao. Ngày 20/02/2020 Công an xã Búng Lao triệu tập Tống Văn L lên làm việc, L khai nhận toàn bộ hành vi trộm tài sản của mình.

Tại bản kết luận giám định số 12/KL-HĐĐGTS ngày 21/02/ 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại xe DZEAM, màu sơn nâu đen, BKS I, số máy C100MNE

0132906, không có yếm, xe đã qua sử dụng đã kết luận chiếc xe máy do L trộm cắp có giá trị hiện tại 4.600.000 đồng.

Tại đơn đề nghị của anh Nguyễn Văn H và chị Thân Thị T - bị hại: Xin nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hạ Văn B không có ý kiến gì.

Tại Cáo trạng số: 22/CT-VKSMA ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Tòng Văn L về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tòng Văn L từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Phần bồi thường thiệt hại do người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về vật chứng áp dụng điều 47 BLHS; điều 106 BLTTHS; Điều 228 BLDS: 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại xe DZEAM, màu sơn nâu đen, BKS I, số máy C100MNE 0132906, không có yếm cần giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có tranh luận gì với vị đại diện Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo cũng chấp nhận giá trị tài sản 4.600.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị xét xử vắng mặt các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra các bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai thể hiện rõ quan điểm của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Nội dung vụ án:* Tại phiên tòa bị cáo Tòng Văn L công nhận Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 19/02/2020 tại tổ dân phố 6, thị trấn Mường Ảng, huyện M Tòng Văn L đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe DZEAM, màu sơn nâu - đen trị giá 4.600.000đ (*Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) do anh Nguyễn Văn H và chị Thân Thị T là người quản lý, sử dụng để phục vụ nhu cầu cá nhân.

Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp nội dung Kết luận điều tra và Cáo trạng. Vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Tòng Văn L đã phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố và kiểm sát viên luận tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Tòng Văn L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Tòng Văn L sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên được bố mẹ cho đi học đến lớp 11/12 ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Năm 2016 kết hôn với chị Lò Thị T1 có với nhau một người con. Đến năm 2019 thì ly hôn với chị Lò Thị T1. Ngày 25/6/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tháng 9/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống. Đến ngày 21/02/2020 bị cáo có hành vi Trộm cắp tài sản bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Mường Ảng khởi tố. Bị cáo là một người cha trụ cột trong gia đình nhưng do thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lười lao động để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã bất chấp pháp luật, đi vào con đường phạm tội. Bản thân bị cáo đã đi chấp hành án về không coi đó là bài học rút kinh nghiệm cho bản thân, mà còn lao vào con đường phạm tội. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cần đưa ra mức án thật nghiêm khắc, để cải tạo giáo dục bị cáo và cũng là cơ hội để bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo L có một tình tiết tăng nặng tại điểm h Khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[4] Theo khoản 5 Điều 173 BLHS quy định bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, thu nhập chủ yếu từ làm ruộng nên không có khả năng thi hành. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Đối với phần bồi thường thiệt hại anh H, chị T là bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát xét thấy phù hợp nên hội đồng xét xử xem xét.

[7]. Trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về vật chứng: Hội đồng xét xử thấy rằng: 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại xe DZEAM, màu sơn nâu đen là do anh H chị T mua có người làm chứng. Qua điều tra xác minh thấy rằng: BKS I là biển số giả, số khung, số máy đã bị đục lại chưa xác định được chủ sở hữu nên cần giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng điều tra xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo Tòng Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) nhưng bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí HSST sơ thẩm cho bị cáo.

[10]. Bị cáo; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Tòng Văn L phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Tòng Văn L 15 (Mười năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 02 năm 2020.

2. Vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; điều 106 BLTTHS. Điều 228 Bộ luật dân sự: Giao cho cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại xe DZEAM, màu sơn nâu đen, BKS I, số máy C100MNE 0132906, không có yếm để tiếp tục điều tra xử lý.

(Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/5/2020).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tòng Văn L.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H, chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú; Ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKS tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- STP tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện Mường Ảng;
- Bị cáo; ĐS;
- Lưu hs;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân